

THỰC TRẠNG SẢN XUẤT CÂY QUÝT HƯƠNG CÀN TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trần Đăng Khoa¹, Trần Thị Xuân Phương¹, Nguyễn Hồ Lam¹,
Phạm Thị Mùi¹, Hoàng Kim Toán², Trần Đăng Hoà¹

¹Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế; ²Đại học Huế

Liên hệ email: trandanghoa@huaf.edu.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu thực trạng sản xuất quýt Hương Càn được tiến hành ở hai vùng trồng chủ yếu tại phường Hương Toàn (thị xã Hương Trà) và xã Phong Thu (huyện Phong Điền). Kết quả nghiên cứu cho thấy: giống quýt Hương Càn có nguồn gốc bản địa, trong mùa ngập úng có khả năng chịu được từ 9 - 10 ngày. Cây thích nghi với nhiệt độ từ 26 - 30°C là chủ yếu, cần ít nước, chịu được gió lớn và phù hợp với đất phù sa. Diện tích trồng còn hạn chế, các hộ có diện tích trồng lớn chiếm tỷ lệ thấp, tuổi vườn dao động khá lớn. Điều kiện trồng trọt rất thuận lợi về vị trí trồng, loại đất và độ thoát nước. Tất cả các hộ dân đều chú ý đến việc bón phân cho cây quýt, các loại phân chủ yếu là phân hữu cơ và vô cơ, phân bón lá rất ít sử dụng. Tùy từng hộ nông dân có thể sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp các loại phân với nhau. Trong đó, 100% số hộ bón phân vô cơ (3 - 4 lần/năm) và bón phân hữu cơ tập trung 1 lần/năm. Về phòng trừ bệnh ở hai điểm điều tra cho thấy dao động từ 2 - 3 lần/năm và sử dụng 6 - 7 loại thuốc. Thu nhập hằng năm của các hộ trồng quýt khá cao, đạt 6 - 28 triệu đồng (Hương Toàn và Phong Thu). Đẻ quýt Hương càn đóng vai trò ngày càng quan trọng trong kinh tế, văn hóa và xã hội của tỉnh cần tiến hành chọn cây đầu dòng, phục tráng để nhân giống; quy hoạch vùng sản xuất phù hợp, cần làm tốt công tác khuyến nông để phổ biến rộng rãi biện pháp kỹ thuật thâm canh cây quýt.

Từ khóa: Chọn giống, Hương Càn, quýt, Thừa Thiên Huế, thực trạng sản xuất.

Nhận bài: 05/10/2017

Hoàn thành phản biện: 20/12/2017

Chấp nhận bài: 20/01/2018

1. MỞ ĐẦU

Quýt (*Citrus deliciosa* Tenore) là loại quả được nhiều người, nhiều nước trên thế giới ưa chuộng và được bán rộng rãi trên thị trường, chúng đã trở thành loại quả có giá trị vô cùng to lớn trong lĩnh vực kinh tế và dinh dưỡng cho con người. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi đời sống con người ngày một tăng cao thì nhu cầu về trái cây nói chung và quýt nói riêng trở nên cấp thiết.

Thừa Thiên Huế có điều kiện tự nhiên rất thích hợp cho trồng cây ăn quả có múi. Vì vậy, đã hình thành một số vùng trồng cây ăn quả tập trung mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay, diện tích trồng quýt của toàn tỉnh Thừa Thiên Huế là 67,9 ha (Cục thống kê Thừa Thiên Huế, 2015). Tuy nhiên, quy mô trồng quýt còn nhỏ, chưa có chiến lược phát triển rõ ràng, công tác quản lý giống còn nhiều bất cập, chưa thực sự chú trọng đến chất lượng quả, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa được chú trọng, chăm sóc chưa đúng quy trình kỹ thuật nên vườn quýt tàn cổn nhanh, sâu bệnh nhiều. Vì vậy, chưa tạo ra được sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao, diện tích đất trồng quýt có xu hướng ngày càng giảm.

Mục đích của nghiên cứu này là đánh giá được nguồn gốc, kỹ thuật canh tác và điều kiện sinh thái ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của cây quýt Hương Cần ở Thừa Thiên Huế để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển sản xuất cây quýt bền vững cho địa phương.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tiến hành điều tra xã hội học thông qua phỏng vấn nhóm và các cá nhân nhằm thu thập các thông tin về nguồn gốc, điều kiện tiểu khí hậu, đặc điểm đất, diện tích, quy mô, tình hình canh tác quýt Hương Cần theo phương pháp điều tra nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA) bằng bảng hỏi.

Điều tra về thực trạng sản xuất quýt Hương Cần (nguồn gốc giống, điều kiện tiểu khí hậu, đặc điểm đất, diện tích, quy mô và tình hình canh tác) tại phường Hương Toàn (thị xã Hương Trà) và xã Phong Thu (huyện Phong Điền). Lựa chọn các hộ trồng quýt ngẫu nhiên trên 2 địa điểm điều tra với mỗi địa điểm điều tra là 60 hộ. Thời gian điều tra từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2017. Các số liệu được mã hóa, nhập và xử lý bằng phần mềm xử lý thống kê SPSS 20.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Nguồn gốc giống quýt Hương Cần

Nguồn gốc của giống quýt Hương Cần của các hộ nông dân đang trồng hiện nay ở hai địa điểm điều tra khá đa dạng gồm giống bản địa, giống địa phương khác và giống nhập nội. Trong đó, chủ yếu là trồng giống bản địa chiếm 96,7% ở Hương Toàn và 76,7% ở Phong Thu.

Bảng 1. Nguồn gốc giống quýt Hương Cần ở Hương Toàn và Phong Thu

Nguồn gốc giống	Tỷ lệ (%) các hộ điều tra	
	Hương Toàn	Phong Thu
Giống bản địa	96,7	76,7
Giống bản địa và giống địa phương khác	3,3	10,0
Giống nhập nội và địa phương khác	0,0	13,3

Đây là cơ sở cho việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để chọn lọc, phục tráng tạo cây quýt sạch bệnh và có chất lượng cao.

3.2. Điều kiện sinh thái đối với quýt Hương Cần

Nguồn gốc của cây quýt ở vùng nhiệt đới nóng ẩm, vì vậy loại cây này ưa khí hậu ẩm, nhưng do có phạm vi phân bố rộng, cho nên một số loài chịu được nhiệt độ thấp. Theo Trần Thế Tục và cộng sự (1998) cho rằng cây quýt sinh trưởng trong phạm vi nhiệt độ từ 12 - 39°C, nhiệt độ thích hợp nhất từ 23 - 27°C (Trần Thế Tục và cs., 1998). Kết quả điều tra Bảng 2 cho thấy nhiệt độ thích hợp để trồng quýt Hương Cần theo đánh giá của người trồng ở cả hai địa điểm điều tra là từ 26 - 30°C.

Ánh sáng rất quan trọng đối với cây quýt, quýt thích hợp với ánh sáng có cường độ 10.000 - 15.000 lux (tương ứng với 16 - 17 giờ trong ngày), ưa ánh sáng trực xạ, không ưa ánh sáng tán xạ (Reed và cs., 1930). Nhìn chung, 100% các hộ điều tra ở cả hai địa điểm đều hiểu được cây quýt cần ánh sáng trực xạ.

Nước là yêu cầu khá nghiêm ngặt của cây quýt, quýt là giống cây ăn quả có đặc tính ưa ẩm, kém chịu hạn và không chịu được ngập úng do có bộ rễ cộng sinh với nấm. Kết quả điều tra ở Phong Thu cho thấy 70% người trồng cho rằng cây quýt cần cung cấp nước vừa phải và 30% ý kiến khẳng định quýt cần ít nước. Ngược lại, ở Hương Toàn có đến 83,3% người trồng cho rằng cây quýt cần cung cấp nước ít và chỉ 16,7% người trồng cho rằng cần cung cấp nước vừa phải.

Về khả năng chịu úng của cây quýt Hương Cần theo đánh giá của người dân khoảng 5 - 16 ngày (Hương Toàn) và 3 - 10 ngày (Phong Thu), khả năng chịu úng cao nhất là 9 - 10 ngày (Hương Toàn) và 5 - 6 ngày (Phong Thu). Quýt sinh trưởng và phát triển tốt trên đất nhiều mùn, thoáng khí, có tầng đất dày, giữ ẩm tốt, khả năng thấm và thoát nước tốt. Kết quả điều tra cho thấy 100% người dân trồng quýt chủ yếu là trên chân đất phù sa.

Bảng 2. Điều kiện sinh thái đối với quýt Hương Cần

Điều kiện sinh thái		Tỷ lệ (%) các hộ điều tra	
		Hương Toàn	Phong Thu
Nhiệt độ	26 - 30 ⁰ C	100	100
Ánh sáng	Trực xạ	100	100
Nước	Vừa	16,7	70
	Ít	83,3	30
Khả năng chịu úng (ngày)	3 - 4	0,0	26,7
	5 - 6	4,4	46,6
	7 - 8	14,5	23,3
	9 - 10	28,8	3,3
	11 - 12	16,7	0,0
	13 - 14	16,7	0,0
	15 - 16	18,9	0,0
Chịu bão	Có khả năng	100	100
Chân đất	Phù sa	100	100

Tóm lại, trong mùa ngập úng cây quýt có khả năng chống chịu được một thời gian tương đối dài từ 3 - 16 ngày. Cây thích nghi với nhiệt độ từ 26 - 30⁰C, cây cần ít nước, chịu được bão và thích nghi với loại đất phù sa ven sông.

3.3. Điều kiện trồng trọt cây quýt Hương Cần

Điều kiện trồng trọt sẽ quyết định chất lượng và năng suất quả của vườn quýt. Qua số liệu điều tra ở Bảng 3 cho thấy: Diện tích trồng quýt của một hộ ở Hương Toàn dao động từ 500 - 4.000 m². Trong đó, quy mô chủ yếu tập trung từ 100 - 2.000 m² (chiếm 83,3% số hộ trồng quýt). So với Hương Toàn, diện tích trồng quýt của nông hộ ở Phong Thu cao hơn, dao động từ 500 đến trên 4.000 m². Trong đó, diện tích gieo trồng tập trung chủ yếu là từ 1.000 - 2.000 m² (chiếm 53,4% số hộ trồng). Nhìn chung, diện tích trồng quýt Hương Cần ở hai địa điểm điều tra còn ở quy mô nhỏ.

Tuổi của vườn: Ở xã Phong Thu các vườn quýt dao động từ 6 đến trên 15 năm tuổi (phần lớn tập trung ở giai đoạn từ 9 - 10 năm tuổi). Ở Hương Toàn vườn quýt dao động từ 5 - trên 15 năm tuổi. Trong đó, vườn quýt trên 15 tuổi chiếm 4,4%; loại vườn 5 - 6 năm chiếm 18,9%, tập trung chủ yếu là loại vườn 7 - 10 tuổi chiếm 69%. Nhìn chung, vườn ở các địa điểm điều tra đang ở thời kỳ kinh doanh, số vườn mới lập và vườn cây già chiếm tỷ lệ thấp.

Theo Trần Thế Tục và Đoàn Thế Lư (2007), các vùng trồng quýt cổ truyền ở nước ta đều được trồng ở ven các sông suối. Các vườn quýt của hai địa điểm điều tra ở Thừa Thiên Huế cũng được trồng chủ yếu ở ven sông. Quýt có thể trồng trên nhiều loại đất, pH từ 4 - 8, tốt nhất là 5,5 - 6,5. Bảng 3 cho thấy 100% hộ dân ở hai địa điểm điều tra chọn đất để trồng quýt Hương Cần rất phù hợp, đó là đất phù sa và đất trồng có độ thoát nước tốt. Điều kiện trồng trọt tại Phong Thu và Hương Toàn rất thuận lợi về vị trí, loại đất và độ thoát nước nhưng về diện tích trồng trọt còn hạn chế, các hộ có diện tích trồng lớn chiếm tỷ lệ thấp.

Bảng 3. Hiện trạng của vườn quýt Hương Cần

Chi tiêu		Tỷ lệ (%) hộ điều tra	
		Hương Toàn	Phong Thu
Diện tích (m ²)	100 - 1.000	43,3	16,6
	> 1.000 - 2.000	40,0	53,4
	> 2.000 - 3.000	13,3	13,3
	> 3.000 - 4.000	3,3	10,0
	> 4.000	0,0	6,7
Tuổi vườn (năm)	5 - 6	18,9	3,3
	7 - 8	36,7	23,3
	9 - 10	32,3	43,3
	11 - 12	7,8	6,6
	13 - 14	0,0	3,3
	> 15	4,4	19,9
Vị trí trồng	Bờ sông	100	100
Loại đất	Đất phù sa	100	100
Độ thoát nước	Tốt	100	100

3.4. Thực trạng về kỹ thuật trồng trọt cây quýt Hương Cần

Mật độ là một trong những kỹ thuật quan trọng trong trồng trọt, mật độ thích hợp sẽ giúp khai thác tiềm năng năng suất của cây trồng. Đối với quýt, trồng cây gốc ghép thì mật độ là 300 - 500 cây/ha, đối với cây chiết hoặc gốc ghép chiết mật độ trồng dày hơn 800 - 1.200 cây/ha (Phạm Công Duệ, 2005). Kết quả điều tra cho thấy: Ở Phong Thu mật độ trồng dao động từ 400 - 600 cây/ha. Trong đó, 480 - 520 cây/ha chiếm tỷ lệ cao nhất (46,4%). Ở Hương Toàn thì mật độ trồng dao động từ 400 - 700 cây/ha. Trong đó, 480 đến 520 cây/ha chiếm tỷ lệ cao nhất (43,3%). Chúng tôi, phần lớn người dân đã bố trí mật độ trồng quýt khá phù hợp.

Khoảng cách trồng giữa các cây sẽ giúp cho chúng ta khai thác tiềm năng năng suất của cây trồng. Kết quả điều tra cho thấy khoảng cách trồng dao động là 3,5 m x 3,5 m; 3,5 m x 4 m; 4 m x 4 m; 4 m x 4,5 m; 4 m x 5 m. Theo quy trình kỹ thuật khoảng cách trồng thích hợp nhất là 4 m x 4 m (Phạm Công Duệ, 2005), (Trần Thế Tục và cs., 2007). Kết quả điều tra cho thấy khoảng cách này chiếm 60,0% (Phong Thu) và 48,9% (Hương Toàn). Như vậy, ở Phong Thu có 40,0% và ở Hương Toàn có 51,1% số hộ trồng quýt bố trí khoảng cách trồng chưa phù hợp.

Quýt là cây ưa ẩm nhưng không chịu được úng vì rễ thuộc loại rễ nấm, cây hút dinh dưỡng qua một hệ nấm cộng sinh, do đó nếu ngập nước, đất thiếu oxy rễ sẽ hoạt động kém, rụng lá và quả non. Lượng nước cần cho 1 ha quýt/năm là 9.000 - 12.000 m³ tương đương

với lượng mưa 900 - 12.000 mm/năm (Trần Thế Tục và cs., 2007). Bảng 4 cho thấy: tưới nước cho vườn quýt được tính số lần theo tuần, tháng và năm. Trong đó, ở Phong Thu 1 - 2 lần/tuần là chiếm tỷ lệ cao nhất (66,7%). Ở Hương Toàn, phần lớn các hộ dân tưới nước cho cây quýt là 1 - 2 lần/tháng (54,4%). Nhìn chung, các hộ nông dân đã nhận thức được tầm quan trọng của nước đối với quá trình sinh trưởng, phát triển của cây quýt.

Cắt tỉa, tạo hình là việc quan trọng, cần cắt tỉa các cành khô, cành mọc yếu, cành vượt, cành mọc lộn xộn, cành sâu bệnh, những cành đã mang quả nhằm tận dụng tối đa nguồn năng lượng mặt trời, tạo ra nhiều sản phẩm quang hợp, cây sớm ra hoa tạo quả, cho năng suất cao (Trần Thế Tục và cs., 2007). Bảng 4 cho thấy người dân đã ý thức được vấn đề tỉa cành, tạo hình cho vườn quýt, trong 1 năm cắt tỉa từ 1 đến 2 lần. Trong đó ở Phong Thu tỉa cành 1 lần/năm chiếm 96,7% còn lại 2 lần/năm chiếm 3,3%. Ở Hương Toàn tỉa cành 1 lần/năm chiếm 84,4% còn lại 2 lần/năm chiếm 15,6%.

Bảng 4. Các kỹ thuật canh tác áp dụng với cây quýt Hương Cần

Kỹ thuật áp dụng	Tỷ lệ (%) hộ điều tra		
	Hương Toàn	Phong Thu	
Mật độ trồng (cây/ha)	400-460	8,9	0,0
	480-520	43,3	46,6
	540-580	15,6	20,0
	600	31,1	33,3
	700	1,1	0,0
Khoảng cách (m)	3,5 x 3,5	10,0	3,3
	3,5 x 4	21,1	26,7
	4 x 4	48,9	60,0
	4 x 4,5	20,0	6,7
	4 x 5	0,0	3,3
Tưới nước	1 - 2 lần/tuần	1,1	66,7
	1 - 2 lần/tháng	54,4	23,3
	3 lần/tháng	17,8	3,3
	1 - 2 lần/năm	22,3	3,3
	3 lần/năm	4,4	3,3
Cắt tỉa, tạo hình (lần/năm)	1	84,4	96,7
	2	15,6	3,3
Làm cỏ, chăm sóc (lần/năm)	2	14,4	13,3
	3	50,0	60,0
	4	35,6	26,7
Phương thức canh tác	Độc canh	100	80,0
	Xen canh	0,0	20,0

Làm cỏ sẽ giúp cây sinh trưởng phát triển mạnh, hạn chế cạnh tranh dinh dưỡng, ở hai địa điểm điều tra đều có số lần làm cỏ trong 1 năm dao động 2 - 4 lần, tập trung chủ yếu là 3 lần/năm. Phần lớn các hộ nông dân đã ý thức trong việc làm cỏ cho cây quýt nhằm giảm sự cạnh tranh dinh dưỡng và làm mất nơi trú ẩn của sâu bệnh.

Phương thức canh tác phù hợp sẽ giúp cây sinh trưởng tốt, đồng thời nâng cao thu nhập, biện pháp trồng xen với các cây họ đậu, cây phân xanh có vai trò rất lớn trong giữ ẩm, chống cỏ dại, tăng độ phì và bảo vệ đất chống xói mòn. Kết quả điều tra cho thấy các hộ nông dân chủ yếu là độc canh trong đó Phong Thu chiếm 80% (chỉ có 20% số hộ sử dụng

phương thức canh tác xen canh với một số cây trồng khác) và thậm chí là chiếm 100% ở Hương Toàn, điều này cho thấy người dân sẵn sàng chuyên canh cây quýt, bởi vì quýt là cây trồng cho giá trị kinh tế cao hơn so với các loại cây lương thực khác.

3.5. Tình hình sử dụng bón phân cho cây quýt Hương Cần

Phân bón hợp lý là một trong những biện pháp kỹ thuật quan trọng để khai thác tốt tiềm năng năng suất của cây trồng (Phạm Công Hậu, 1996). Quýt Hương Cần là loại cây ăn quả lâu năm sinh trưởng mạnh, có sinh khối lớn nên nhu cầu dinh dưỡng tương đối nhiều. Do được trồng trên chân đất phù sa được bồi hàng năm nên đất đai đã cung cấp một lượng lớn dinh dưỡng cho cây quýt. Tuy nhiên, quýt Hương Cần vẫn cần được bón phân để nâng cao năng suất, kéo dài tuổi thọ từ đó nâng cao hiệu quả kinh tế của vườn quả.

Bảng 5. Tình hình sử dụng phân bón cho cây quýt Hương Cần

Chi tiêu	Phân hữu cơ			Phân vô cơ		
	Mức độ/ loại	Hương Toàn	Phong Thu	Mức độ/ loại	Hương Toàn	Phong Thu
Số lần bón phân/năm (lần)	1	26,6	16,7	1	0,0	0,0
	2	6,7	10,0	2	0,0	0,0
	3	0,0	0,0	3	56,7	63,3
	4	0,0	0,0	4	43,3	36,7
Loại phân	Gia súc	33,3	26,7	Đạm	0,0	0,0
	Gia cầm	0,0	0,0	Lân	0,0	0,0
	HCVS*	0,0	0,0	Kali	0,0	0,0
	Khác	0,0	0,0	NPK**	100	100
Liều lượng (kg/cây/năm)	<30	10,0	13,4	<2	0,0	0,0
	30-35	23,3	13,3	2-3	23,3	26,7
	35-40	0,0	0,0	3-4	63,3	60,0
	>40	0,0	0,0	>4	13,4	13,3
Cách bón	Vãi	16,7	10,0	Vãi	50,0	56,7
	Hốc	16,6	16,7	Hốc	50,0	43,3

Ghi chú: * Hữu cơ vi sinh, ** Phân NPK 16:16:8

Bảng 5 cho thấy tất cả các hộ dân đều chú ý đến việc bón phân cho cây quýt, các loại chủ yếu là phân hữu cơ và vô cơ, phân bón lá rất ít được sử dụng. Tùy từng hộ nông dân có thể sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp các loại phân với nhau. Số lần bón tập trung của phân hữu cơ là 1 lần (26,6% ở Hương Toàn và 16,7% ở Phong Thu). Trong khi đó 100% số hộ bón phân vô cơ khoảng 3 - 4 lần/năm tại cả hai địa phương. Điều này phù hợp với khuyến cáo khi bón phân cho cây quýt ở thời kỳ kinh doanh của Trần Thế Tục và Đoàn Thế Lư (2007).

Loại phân hữu cơ sử dụng chủ yếu là phân gia súc (tại Hương Toàn là 33,3% với liều lượng tập trung từ 30 - 35 kg/cây/năm, tại Phong Thu là 26,7% với liều lượng là dưới 30 - 35 kg/ cây/năm). Trong khi đó 100% số hộ tại hai địa phương sử dụng phân NPK 16:16:8 để bón cho cây quýt với liều lượng tập trung là 3 - 4 kg/cây/năm.

Cách bón phân: Đối với các loại phân khác nhau sẽ có phương pháp bón khác nhau, đối với phân chuồng bón theo hình chiếu tán cây, bón theo hốc, phân vô cơ bón vãi và phân bón lá thì phun lên tán cây (Trần Thế Tục và Đoàn Thế Lư, 2007). Kết quả điều tra cho thấy việc bón phân hữu cơ ở Phong Thu, bón vãi là phương pháp bón phân người dân ít sử dụng nhất chiếm 10,0%, trong khi đó bón hốc là 16,7%. Ở Hương Toàn, bón phân theo hốc và vãi

phân hữu cơ tương đương nhau và dao động từ 16,6 - 16,7%. Việc bón phân vô cơ có sự khác biệt hơn so với phân hữu cơ, tại Hương Toàn 50% bón hốc và 50% bón vãi, trong khi đó tại Phong Thu tương ứng là 56,7% và 43,3%, qua đó chúng ta thấy được phương pháp bón phân là chưa phù hợp, đặc biệt ở Hương Toàn.

3.6. Phòng trừ sâu bệnh hại cây quýt Hương Cần

Sâu bệnh là đối tượng có ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất và phẩm chất quả. Theo tổng kết của các nhà khoa học trong và ngoài nước, sâu bệnh hại quýt hiện nay ở nước ta có rất nhiều loại gồm 44 loài sâu và 8 loại bệnh như sâu vẽ bùa, sâu đục thân, nhện đỏ, bệnh cháy gôm, bệnh virus,... (Trần Thế Tục và cs., 1998). Bảng 6 cho thấy, để phòng trừ sâu hại trên cây quýt Hương Cần thì người dân ở Hương Toàn và Phong Thu đều sử dụng các biện pháp phòng trừ từ 3 - 4 lần/năm. Trong đó, ở Phong Thu số hộ sử dụng các biện pháp phòng trừ sâu 3 lần/năm là chủ yếu chiếm 70,0%; 4 lần/năm chỉ chiếm 30,0%. Ở Hương Toàn các hộ trồng quýt quan tâm hơn đến công tác bảo vệ thực vật vì vậy có đến 54,4% sử dụng các biện pháp phòng trừ sâu 4 lần/năm.

Bảng 6. Số lần sử dụng biện pháp phòng trừ sâu bệnh trên cây quýt Hương Cần

Số lần phun thuốc	Tỷ lệ (%) số hộ điều tra	
	Hương Toàn	Phong Thu
Phòng trừ sâu (lần/năm)	3	43,3
	4	70,0
Phòng trừ bệnh (lần/năm)	2	30,0
	3	1,1
	3	32,2
	4	53,3
	4	66,7
		43,3

Về phòng trừ bệnh của cây quýt ở hai địa điểm điều tra cho thấy dao động từ 2 - 4 lần/năm. Ở Hương Toàn chủ yếu là 4 lần/năm chiếm tỷ lệ cao nhất là 66,7% và ở Phong Thu cao nhất là 3 lần/năm chiếm 53,3%. Nhìn chung, người dân ở Hương Toàn đã chú ý phòng trừ sâu bệnh cho cây quýt Hương Cần với số lần phun/năm nhiều hơn so với Phong Thu. Việc kịp thời phòng trừ cho cây để có thể đạt được năng suất tốt nhất.

Bảng 7 cho thấy người dân sử dụng khá nhiều loại thuốc cho việc trừ dịch hại, tại Hương Toàn sử dụng 7 loại thuốc, tại Phong Thu 6 loại thuốc, trong đó tại Hương Toàn và Phong Thu có các loại thuốc sử dụng để trừ nhiều loài dịch hại như: Dylan 2EC, Regent 50SC và Tungmectin 5EC. Số lần phun giao động từ 0,8 lần đến 1,3 lần. Trong đó, các loại thuốc có hiệu quả phòng trừ cao như Dylan 2EC, Regent 50SC tại Hương Toàn và Dylan 2 EC tại Phong Thu.

Bảng 7 cho thấy người dân sử dụng khá nhiều loại thuốc cho việc trừ dịch hại, tại Hương Toàn sử dụng 7 loại thuốc, tại Phong Thu 6 loại thuốc, trong đó tại Hương Toàn và Phong Thu có các loại thuốc sử dụng để trừ nhiều loài dịch hại như: Dylan 2EC, Regent 50SC và Tungmectin 5EC. Số lần phun giao động từ 0,8 lần đến 1,3 lần. Trong đó, các loại thuốc có hiệu quả phòng trừ cao như Dylan 2EC, Regent 50SC tại Hương Toàn và Dylan 2 EC tại Phong Thu.

Bảng 7. Thực trạng sử dụng thuốc trừ dịch hại trên cây quýt Hương Cần tại Hương Toàn và Phong Thu

Loại thuốc	Loài dịch hại	Số lần*	Giai đoạn sử dụng	Hiệu quả **
Hương Toàn				
Dylan 2EC	Sâu vẽ bùa, nhện đỏ	1,3	Ra lộc đợt 1 và 2	+++
Regent 50SC	Rầy chổng cánh, rệp phấn trắng, rệp muội, rầy mềm	1,1	Giai đoạn ra lộc, hoa, đậu quả	+++
Tungmectin 5EC	Sâu cuốn lá, châu chấu	1,2	Giai đoạn ra lộc	++
Trobin 250SC	Bệnh muội đen	0,6	Giai đoạn ra hoa	+
Vimatox 5SG	Nhện đỏ	0,8	Giai đoạn đậu quả	++
Sulfex 80WG	Sẹo quả	1,2	Giai đoạn đậu quả	+
Zisento 77WP	Sẹo quả	1,1	Giai đoạn đậu quả	+
Phong Thu				
Dylan 2EC	Sâu vẽ bùa, nhện đỏ	0,8	Ra lộc đợt 1 và 2	+++
Regent 50SC	Rầy chổng cánh, rầy mềm, rệp phấn trắng	0,9	Giai đoạn ra lộc, hoa, đậu quả	++
Tungmectin 5EC	Sâu cuốn lá, châu chấu	1,1	Giai đoạn ra lộc	++
Trobin 250SC	Bệnh muội đen	0,7	Giai đoạn ra hoa	++
Zisento 77WP	Sẹo quả	1,0	Giai đoạn đậu quả	++
Sulfex 80WG	Sẹo quả, sùi vỏ	0,9	Giai đoạn đậu quả	+

Ghi chú: * Số lần phun được tính trung bình theo số lần của các hộ điều tra; ** Hiệu quả: + Hiệu quả thấp; ++ Hiệu quả trung bình; +++ Hiệu quả cao.

3.7. Hiệu quả kinh tế của sản xuất cây quýt Hương Cần

Bảng 8. Hiệu quả kinh tế của sản xuất cây quýt Hương Cần ở Hương Toàn và Phong Thu

Các chỉ tiêu	Tỷ lệ (%) hộ điều tra	
	Hương Toàn	Phong Thu
Thu nhập (triệu đồng/năm)		
6 - 10	38,8	13,3
11 - 15	33,4	36,8
16 - 20	24,5	23,3
21 - 28	3,3	26,6
Đầu tư (triệu đồng/năm)		
0,25 - 1	37,7	23,3
1,2 - 2	36,7	50,2
2,2 - 3,5	17,8	19,9
4 - 5	7,8	6,6
Lãi (triệu đồng/năm)		
5,75 - 10	49,2	13,8
10,5 - 15	37,6	43,1
15,5 - 20,5	13,2	33,2
21,5 - 24,5	0,0	9,9

Bảng 8 cho thấy các vườn quýt Hương Cần đều cho thu nhập khá cao. Chi phí cho vườn quả được tính một cách tương đối là chi phí vật tư nông nghiệp như phân vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật, thuê vườn,... Các khoản khác như phân hữu cơ, công lao động được xem như tận dụng. So sánh hai địa bàn nghiên cứu thì xã Phong Thu có thu nhập, đầu tư và thu lãi từ vườn quýt cao hơn so với người dân phường Hương Toàn.

Mức thu nhập tại Hương Toàn trong một năm từ 6 - 28 triệu đồng, với số hộ có mức thu nhập cao nhất là 21 - 28 triệu đồng chỉ chiếm tỷ lệ 3,3%. Số hộ có mức đầu tư cho vườn cao nhất là 4 - 5 triệu đồng chỉ chiếm 7,8% và số hộ có mức đầu tư thấp nhất là 0,25 - 1 triệu

đồng chiếm đa số (37,7%). Mức lãi của các vườn dao động từ 5,75 - 20,5 triệu đồng, phần lớn số hộ dân có mức lãi tập trung ở mức từ 5,75 - 10 triệu đồng (49,2%). Trong khi đó, ở Phong Thu cho thấy mức thu nhập trong một năm từ 6 - 28 triệu đồng, với mức thu nhập chủ yếu từ 11 - 15 triệu đồng (36,8%). Mức đầu tư chủ yếu của người dân là 1,2 - 2 triệu đồng chiếm 50,2% số hộ. Mức lãi cao nhất là 21,5 - 24,5 triệu đồng chỉ có 9,9% số hộ và mức lãi thấp nhất là 5,75 - 10 triệu đồng (13,8% số hộ), mức lãi chiếm tỉ lệ cao nhất là 10,5 - 15 triệu chiếm 43,1% số hộ.

4. KẾT LUẬN

Giống quýt Hương Cần có nguồn gốc bản địa, trong mùa ngập úng cây quýt có khả năng chịu được từ 9 - 10 ngày. Cây thích nghi với nhiệt độ từ 26 - 30°C, cần ít nước, chịu được gió lớn và phù hợp với đất phù sa.

Diện tích quýt còn hạn chế, chủ yếu trồng trong đất vườn ở các nông hộ. Các hộ có diện tích trồng quýt lớn chiếm tỷ lệ thấp, tuổi vườn dao động khá lớn. Điều kiện trồng trọt rất thuận lợi về vị trí trồng, loại đất và độ thoát nước.

Người dân đã sử dụng các biện pháp kỹ thuật trồng quýt tương đối phù hợp như phòng trừ sâu bệnh, cắt tỉa cành, làm cỏ, trồng xen. Tuy nhiên kỹ thuật bón phân cho quýt là chưa hợp lý.

Thu nhập hằng năm của các hộ trồng quýt khá cao, đạt 6 - 28 triệu đồng ở cả Hương Toàn và Phong Thu.

Đề quýt Hương cần đóng vai trò ngày càng quan trọng trong kinh tế, văn hóa và xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế cần phải tiến hành phục tráng giống, quy hoạch vùng sản xuất phù hợp, cần làm tốt công tác khuyến nông để phổ biến rộng rãi biện pháp kỹ thuật thâm canh cây quýt.

LỜI CẢM ƠN

Để thực hiện công trình này, chúng tôi trân trọng cảm ơn Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tài trợ kinh phí thực hiện thông qua chương trình Quỹ gen với đề tài "Nghiên cứu bảo tồn giống Quýt Hương Cần ở Thừa Thiên Huế", Mã số: B2016-DHH-09-QG.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

Cục Thống kê Thừa Thiên Huế, (2015). *Niên giám thống kê Huế*.

Phạm Văn Duệ, (2005). *Giáo trình kỹ thuật trồng cây ăn quả*. Hà Nội: NXB Hà Nội.

Vũ Công Hậu, (1996). *Trồng cây ăn quả Việt Nam*. Tp. Hồ Chí Minh: NXB Nông nghiệp.

Hoàng Ngọc Thuận, (2000). *Kỹ thuật chọn tạo và trồng cam, quýt phẩm chất tốt, năng suất cao*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp.

Trần Thế Tục, Cao Anh Long, Phạm Văn Côn, Hoàng Ngọc Thuận, Đoàn Thế Lư, (1998). *Giáo trình Cây ăn quả*: Hà Nội: NXB Nông nghiệp.

Trần Thế Tục, Đoàn Thế Lư, (2007). *Giáo trình kỹ thuật trồng Cây ăn quả*. Hà Nội: NXB ĐH Sư Phạm.

2. Tài liệu tiếng nước ngoài

Reed, H. S. and Bartholonew, E. T., (1930). *The effects of desiccation wind son citrus stress Calif.* Agr, Expt Sta. Bull.

PRODUCTION STATUS OF HUONGCAN TANGERINE IN THUA THIEN HUE PROVINCE

Tran Dang Khoa¹, Tran Thi Xuan Phuong¹, Nguyen Ho Lam¹, Pham Thi Mui¹,
Hoang Kim Toan², Tran Dang Hoa¹

¹University of Agriculture and Forestry, Hue University;

²Hue University

Contact email: trandanghoa@huaf.edu.vn

ABSTRACT

The study was conducted at two mainly produced sites namely Huong Toan commune (Huong Tra town) and Phong Thu commune (Phong Dien district) in Thua Thien Hue province. The results show that almost Huong Can tangerine cultivar is an indigenous variety with high tolerance to the wet condition from 9 to 10 days during the flooding season. In addition, the optimum temperature of this cultivar ranges from 26°C to 30°C. The plant needs a little water, put up with high wind intensive and is suitable for alluvial soil. The research also indicates that most of the households have the tangerine area from 500 to 2,000 m² with the proportion of households having the large cultivated area (above 3,000 m²) is low (from 3.3% to 10.0% of total investigated households). Also, the tangerine age at investigated households is the big fluctuation, from 5 to 15 years old. The cultivation techniques for tangerine cultivar of almost local farmers is partly met the requirement, but it is not popular for all households. All the households have paid attention to fertilize the tangerine with the main manure is organic and inorganic fertilizers, leaf fertilizer is very little used. Each household may use individual or combination of fertilizers. In which, 100% households apply inorganic fertilizers (3 - 4 times/year) and concentrate organic fertilizer one time/year. Disease prevention of citrus in two survey sites showed that the fluctuation of 2 - 3 times a year and use 6 - 7 drugs. The annual income of the growers is quite high, reaching VND 6 - 28 million (Huong Toan and Phong Thu). As Huong Can tangerine plays an important role in the economic, cultural and social aspects of Thua Thien Hue province, it is necessary to revigorate and select the best of tangerine trees and implement rural extension activities effectively to widespread intensive cultivation techniques of tangerine cultivar.

Key words: Tangerine, Huong Can, plant breeding, Thua Thien Hue, production status

Received: 5th October 2017

Reviewed: 20th December 2017

Accepted: 20th January 2018